

Số: 29/2026/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15*

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư
theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng,
Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật
Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15
ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng
02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số
120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 9482/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc,
tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương
giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân
thành phố tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Thay thế Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khoá IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: LĐ và các CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Đức Tiến

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Huế theo quy định được giao tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

b) Nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tại quy định này bao gồm nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Các sở, ban, ngành và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (sau đây viết tắt là đơn vị, địa phương).

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, thẩm định, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 – 2030 thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và được hướng dẫn bởi Điều 4 Nghị định 85/2025/NĐ-CP

được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định 275/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ các nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 3 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của thành phố tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 – 2030, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 – 2030, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 và các chương trình trọng điểm của thành phố; các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

3. Tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo chủ động cho các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương cấp xã. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn ngân sách địa phương (không bao gồm bội chi ngân sách địa phương) để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 54 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung

trong nước phải thực hiện đúng theo các nội dung quy định tại Điều 54 của Luật Đầu tư công và các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 3 của Quy định này;

b) Vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước được phân cấp quản lý cho các địa phương gắn với phân cấp quản lý đầu tư và quản lý nhà nước về loại và cấp công trình nhằm đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả đầu tư, thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và gắn trách nhiệm toàn diện theo phân cấp;

c) Tập trung bố trí đủ số vốn còn thiếu của các dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 – 2030, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

a) Vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bố trí cho chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

b) Cơ cấu phân bổ vốn nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

Trên cơ sở vốn ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm, nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước được phân bổ theo định mức như sau:

- Phân bổ để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã bằng 30% so với nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước sau khi đã trừ đi nguồn chi đầu tư từ thu phí tham quan di tích và phần chi trả nợ gốc vốn vay lại. Việc phân bổ cho từng đơn vị cấp xã được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Điều 5 Quy định này.

- Mức vốn còn lại do ngân sách thành phố quản lý 70%, được phân bổ như sau:

- + Phân bổ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án theo ngành, lĩnh vực và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quy định này.

- + Phân bổ cho các chương trình, dự án ODA có vốn đối ứng; hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); trả nợ gốc các khoản đến hạn trong trường hợp chưa có nguồn được bố trí.

+ Phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể gồm: dự án quan trọng của thành phố; dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và các dự án phục vụ định hướng phát triển đô thị của thành phố.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước phân cấp cho ngân sách cấp xã

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý trong việc cân đối nguồn lực để đầu tư phát triển giữa các vùng đô thị, vùng có số thu ngân sách lớn với việc ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong toàn thành phố;

b) Các phường, xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn được phân bổ theo quy định pháp luật và theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Quy định này. Các phường, xã ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình, dự án trọng điểm, kết hợp với nguồn vốn khác để phát triển hạ tầng sản xuất, nông nghiệp, phát triển nông thôn nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng phường, xã; đảm bảo phát triển hài hòa giữa kinh tế và các lĩnh vực văn hóa, xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các phường, xã;

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước phân cấp cho các địa phương được thực hiện như sau:

Trong giai đoạn 2026-2030, bổ sung có mục tiêu cho các phường, xã để thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo phân cấp quản lý dự án và phải chủ động cân đối đảm bảo quy định về thời gian đối với nhóm dự án theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước cho các phường, xã được xác định trên cơ sở tính điểm theo 04 nhóm tiêu chí sau:

a) Nhóm tiêu chí dân số, gồm 02 tiêu chí: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các phường, xã;

b) Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 03 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; số thu nội địa của các phường, xã theo quy định của Luật Ngân sách

Nhà nước (không bao gồm số thu từ sử dụng đất và xổ số kiến thiết) và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố;

c) Nhóm tiêu chí diện tích, gồm 03 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng của các phường, xã;

d) Nhóm tiêu chí bổ sung, gồm 04 tiêu chí: Xã đặc biệt khó khăn khu vực III; phường, xã miền núi; phường, xã biên giới đất liền và phường an toàn khu (ATK).

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Nhóm tiêu chí dân số:

- Điểm của tiêu chí số dân số trung bình

Số thứ tự	Số dân trung bình	Điểm
1	Các phường, xã có số dân số trung bình dưới 15.000 người	10
2	Các phường, xã có số dân số trung bình từ 15.000 đến 50.000 người: Từ 0 đến 15.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	1
3	Các phường, xã có số dân số trung bình từ trên 50.000 đến 100.000 người: Từ 0 đến 50.000 người được tính 27,5 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	0,9
4	Các phường, xã có số dân số trung bình từ trên 100.000 người: Từ 0 đến 100.000 người được tính 50 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	0,7

Dân số trung bình của các phường, xã để tính toán điểm được xác định theo số liệu năm 2025 do Thống kê thành phố Huế cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu dân số trung bình của các phường, xã được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu dân số trung bình của các phường, xã trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số thứ tự	Số người dân tộc thiểu số	Điểm
1	Các phường, xã có số người dân tộc thiểu số dưới 500 người	0
2	Các phường, xã có số người dân tộc thiểu số từ 500 người trở lên, cứ 500 người dân tộc thiểu số được tính	0,2

Số người dân tộc thiểu số của các phường, xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nội vụ thành phố Huế cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu số người dân tộc thiểu số của các phường, xã được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu dân số trung bình của các phường, xã trước điều chỉnh địa giới hành chính.

b) Nhóm tiêu chí trình độ phát triển:

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Số thứ tự	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
1	Các phường, xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dưới 10%	5
2	Các phường, xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 10% đến 15%	10
3	Các phường, xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên 15%	15

Tỷ lệ hộ nghèo của các phường, xã để tính toán điểm được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

- Điểm của tiêu chí số thu nội địa (*không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết*)

Số thứ tự	Số thu nội địa	Điểm
1	Các phường, xã có số thu nội địa đến 10 tỷ đồng	10
2	Các phường, xã có số thu nội địa từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	9
3	Các phường, xã có số thu nội địa từ trên 50 tỷ đồng đến 75 tỷ đồng	8
4	Các phường, xã có số thu nội địa từ trên 75 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	7
5	Các phường, xã có số thu nội địa từ trên 100 tỷ đồng	6

Số thu nội địa (*không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết*) của các phường, xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách địa phương hằng năm do Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương.

Số thứ tự	Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương	Điểm
1	Các phường, xã có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương trên 0% đến 80% được tính	10
2	Các phường, xã có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương từ trên 80% đến 85%: Từ 0% đến 80% được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 1% tăng thêm được tính	0,2
3	Các phường, xã có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương từ trên 85% đến 90%: Từ 0% đến 85% được tính là 11 điểm, phần còn lại cứ 1% tăng thêm được tính	0,1
4	Các phường, xã có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương từ trên 90% trở lên: Từ 0% đến 90% được tính là 11,5 điểm, phần còn lại cứ 1% tăng thêm được tính	0,05

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách địa phương hằng năm do Hội đồng nhân dân thành phố giao, được tính số bổ sung cân đối so với tổng số số bổ sung cân đối và thu cân đối của ngân sách địa phương không bao gồm nguồn thu sử dụng đất.

c) Nhóm tiêu chí diện tích:

- Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Số thứ tự	Diện tích đất tự nhiên	Điểm
1	Các phường, xã có diện tích đất tự nhiên từ 0 đến 10.000 ha	5
2	Các phường, xã có diện tích đất tự nhiên từ trên 10.000 ha đến 15.000 ha: Từ 0 đến 10.000 ha được tính là 5 điểm, phần còn lại cứ 2.000 ha tăng thêm được tính	1
3	Các phường, xã có diện tích đất tự nhiên từ trên 15.000 ha đến 30.000 ha: Từ 0 đến 15.000 ha được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 2.000 ha tăng thêm được tính	0,5
4	Các phường, xã có diện tích đất tự nhiên từ trên 30.000 ha: Từ 0 đến 30.000 ha được tính là 13,75 điểm, phần còn lại cứ 2.000 ha tăng thêm được tính	0,2

Diện tích đất tự nhiên của các phường, xã để tính toán điểm được xác định theo số liệu năm 2025 do Thống kê thành phố Huế cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa:

Số thứ tự	Diện tích đất trồng lúa	Điểm
1	Các phường, xã có diện tích đất trồng lúa đến 1.000 ha	6
2	Các phường, xã có diện tích đất trồng lúa trên 1.000 ha đến 2.000 ha, từ 0 đến 1.000 ha được tính là 6 điểm, phần còn lại cứ 500 ha tăng thêm được tính	2
3	Các phường, xã có diện tích đất trồng lúa trên 2.000 ha, từ 0 đến 2.000 ha được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 500 ha tăng thêm được tính	1

Diện tích đất trồng lúa của các phường, xã để tính toán điểm được xác định theo số liệu năm 2025 do Thống kê thành phố Huế cung cấp, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Số thứ tự	Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
1	Các phường, xã có tỷ lệ che phủ rừng dưới 5%	0
2	Các phường, xã có tỷ lệ che phủ rừng từ 5% đến dưới 20%	2
3	Các phường, xã có tỷ lệ che phủ rừng từ 20% đến 50%	4
4	Các phường, xã có tỷ lệ che phủ rừng từ trên 50% trở lên	6

Tỷ lệ che phủ rừng của các phường, xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế cung cấp.

d) Nhóm tiêu chí bổ sung

- Điểm của tiêu chí xã đặc biệt khó khăn khu vực III

Xã đặc biệt khó khăn khu vực III	Điểm
Mỗi xã được tính	3

Xã đặc biệt khó khăn khu vực III được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

- Điểm của tiêu chí phường, xã miền núi

Phường, xã miền núi	Điểm
Mỗi phường, xã được tính	3

Phường, xã miền núi được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

- Điểm của tiêu chí các phường, xã biên giới đất liền

Phường, xã biên giới đất liền	Điểm
Mỗi phường, xã được tính	3

Phường, xã biên giới đất liền được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nội vụ thành phố Huế cung cấp.

- Điểm của tiêu chí phường an toàn khu (ATK)

Phường an toàn khu (ATK)	Điểm
Mỗi phường được tính	5

Phường ATK được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng đơn vị cấp xã và tổng số điểm của toàn bộ các đơn vị cấp xã làm căn cứ để tính mức vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (không bao gồm nguồn thu phí tham quan di tích và phần chi trả nợ gốc vốn vay lại) bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số:

Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của đơn vị cấp xã thứ i là A_i .

Gọi số điểm của tiêu chí số dân số trung bình đơn vị cấp xã thứ i là h_i .

Gọi số điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số đơn vị cấp xã thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số của đơn vị cấp xã thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của đơn vị cấp xã thứ i là B_i .

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đơn vị cấp xã thứ i là n_i .

Gọi số điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) phường, xã thứ i là p_i .

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố so với tổng chi ngân sách địa phương cấp xã quản lý thứ i là q_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển của đơn vị cấp xã thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + q_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích:

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của đơn vị cấp xã thứ i là C_i .

Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên đơn vị cấp xã thứ i là m_i .

Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa đơn vị cấp xã thứ i là r_i .

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của đơn vị cấp xã thứ i là l_i .

Điểm của tiêu chí diện tích của đơn vị cấp xã thứ i sẽ là:

$$C_i = m_i + l_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của đơn vị cấp xã thứ i là D_i .

Gọi số điểm của tiêu chí xã đặc biệt khó khăn khu vực III là q_i .

Gọi số điểm của tiêu chí phường, xã miền núi là t_i .

Gọi số điểm của tiêu chí các phường, xã biên giới đất liền là u_i .

Gọi số điểm của tiêu chí phường an toàn khu (ATK) là e_i .

Điểm tiêu chí bổ sung của đơn vị cấp xã thứ i sẽ là:

$$D_i = q_i + t_i + u_i + e_i$$

Tổng điểm của đơn vị cấp xã thứ i :

Gọi tổng số điểm của đơn vị cấp xã thứ i là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của toàn bộ các đơn vị cấp xã thứ là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó, n là tổng số đơn vị cấp xã trên địa bàn thành phố Huế.

b) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách của từng đơn vị cấp xã được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư công nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách của từng đơn vị cấp xã:

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 6. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn thu tiền sử dụng đất giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối với phần vốn đầu tư công do ngân sách thành phố quản lý, ưu tiên bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển tạo quỹ đất, thực hiện các công trình trọng điểm, cấp bách, các công trình an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng khác của thành phố theo quy định.

3. Đối với phần vốn thuộc ngân sách cấp xã, việc phân bổ vốn do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định theo thẩm quyền, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Quy định này và các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 7. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn thu xổ số kiến thiết

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 8. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công từ bội chi ngân sách địa phương

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và các văn bản quy định hiện hành. Bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.